

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 21/8/ 2024
V/v: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Nghị.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân Toàn và ông Phạm Hồng Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thảo - Thư ký Tòa án.

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 21/8/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về tranh chấp “ *Hôn nhân và gia đình* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX - ST ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Đức T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị P, sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh, (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2024 và tại phiên tòa anh Bùi Đức T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Đức T kết hôn với chị Đinh Thị P vào ngày 07/7/2014 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (nay là xã A), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày

01/4/2022 cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đinh Thị P.

- *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là Bùi Hoàng A, sinh ngày 08/01/2016. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và khoản nợ chung*: Anh Bùi Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/6/2024, Chị Đinh Thị P đã có Bản tự khai gửi Tòa án với nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P kết hôn với anh Bùi Đức T vào ngày 07 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã A), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tình cảm, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh T nữa nên có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Bùi Hoàng A, sinh ngày 08/01/2016. Nếu ly hôn chị P có nguyện vọng giao con chung cho anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, khoản nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P không trình bày thêm ý kiến nào khác và cũng không thay đổi, bổ sung gì thêm vào những nội dung trình bày trong Bản tự khai đã gửi cho Tòa án.

Chị P cũng đã có “ Đơn đề nghị xét xử vắng mặt” lập ngày 14 tháng 6 năm 2024 gửi Tòa án. Trong đơn chị P trình bày vì lý do chị đang đi làm ăn xa, không có điều kiện đến trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh để giải quyết vụ án nên chị xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ có tại hồ sơ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Bùi Đức T; nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh và bị đơn chị Đinh Thị P; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho chị Đinh Thị P. Chị P đã nhận được các văn bản của Tòa án tuy nhiên vì lý do ở xa đi lại khó khăn nên chị P không có mặt trực tiếp tại Tòa án để làm việc và chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Đinh Thị P.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Bùi Đức T và chị Đinh Thị P có đăng ký kết hôn vào ngày 07/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ (Nay là xã A), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; hôn nhân như vậy là hợp pháp. Tuy các đương sự là vợ chồng nhưng đã sống ly thân từ lâu. Từ thời điểm sống ly thân đến nay các đương sự không có biện pháp gì hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể hàn gắn được nữa, nay chị P cũng có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Đức T là có căn cứ nên chấp nhận xử cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Đinh Thị P theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là Bùi Hoàng A, sinh ngày 08/01/2016. Hiện tại con đang sống với anh T tại thôn Đ, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh T có nguyện vọng được nuôi con.

Chị P cũng có nguyện vọng giao con chung Bùi Hoàng A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy anh T không vi phạm đạo đức lối sống, có nghề nghiệp, thu nhập và chỗ ở ổn định (*Có xác nhận của UBND xã A, huyện Đ*). Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong quá trình cháu Hoàng A sống chung với anh T cháu được đi học, đảm bảo về nơi ăn chốn ở và phát triển bình thường về thể chất và tâm lý. Trong đơn trình bày nguyện vọng, cháu Bùi Hoàng A cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Bùi Hoàng A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là có cơ sở theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. *Về tài sản và khoản nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Anh Bùi Đức T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân- Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Đức T được ly hôn chị Đinh Thị P.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Hoàng A, sinh ngày 08/01/2016 cho anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Đinh Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Bùi Đức T không yêu cầu.

Chị Đinh Thị P có quyền thăm nom ,chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; số tiền này anh T đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013295 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Anh Bùi Đức T có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/8/2024). Chị Đinh Thị P có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện Đ (2 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã A;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Nghị